



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

02(70) 2021

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. Đinh Như Hoài

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Bí thư BCH Trung ương Đảng

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòe

ThS. Hoàng Thị Thu Hương

CN. Lê Thị Vân

Mục lục

Quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược phát triển đất nước trong thời gian đến <i>Đảng Cộng sản Việt Nam (2021)</i>	3
Tội phạm xuyên quốc gia trên Biển Đông trong những năm gần đây <i>Nguyễn Thanh Minh, Nguyễn Xuân Cường</i>	8
Xuất nhập khẩu của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay <i>Nguyễn Thị Thoa</i>	21
Năng lực lãnh đạo, văn hóa doanh nghiệp và kết quả hoạt động tại các công ty lắp máy ở khu vực miền Trung <i>Bùi Thị Minh Thu, Nguyễn Hồ Phương Nhật, Phan Thị Yến Lai</i>	30
Ảnh hưởng của rủi ro cảm nhận đến ý định hành vi giảm thiểu sử dụng đồ nhựa của cộng đồng dân cư ven biển Nha Trang <i>Lê Chí Công, Hoàng Thị Thu Phương</i>	43
Phát triển ngành khai thác thủy sản tỉnh Bình Định <i>Nguyễn Thị Kim Đoàn</i>	53
Hình ảnh con lợn trong tục ngữ tiếng Hàn, tiếng Việt (từ góc nhìn văn hóa nông nghiệp) <i>Hoàng Thị Yến</i>	62
Di cư tự do của các tộc người thiểu số miền núi phía Bắc đến Lâm Đồng từ năm 1976 đến năm 2015 <i>Nguyễn Thị Hà Giang</i>	74

Contents

The Communist Party of Viet Nam's stances, goals, orientations, key tasks,
and strategic breakthroughs for the coming years

The Communist Party of Viet Nam

3

Transnational crimes in the Bien Dong Sea in recent years

Nguyen Thanh Minh, Nguyen Xuan Cuong

8

Viet Nam's international trade in the current context

Nguyen Thi Thoa

21

On management capacity, corporate culture, and performance outcomes
at machinery installation companies in the Central Viet Nam

Bui Thi Minh Thu, Nguyen Ho Phuong Nhat, Phan Thi Yen Lai

30

The impact of perceived risk to the local people's behavioral intention
of reducing plastic consumption in Nha Trang

Le Chi Cong, Hoang Thi Thu Phuong

43

Promoting fisheries sector in Binh Dinh province

Nguyen Thi Kim Doan

53

The image of pigs in Korean and Vietnamese proverbs
(from an agricultural perspective)

Hoang Thi Yen

62

Free migration of ethnic minorities in the Northern mountains to Lam Dong
province from 1976 to 2015

Nguyen Thi Ha Giang

74

Di cư tự do của các tộc người thiểu số miền núi phía Bắc đến Lâm Đồng từ năm 1976 đến năm 2015

Nguyễn Thị Hà Giang

Trường Đại học Đà Lạt

Email liên hệ: giangnth_ls@dlu.edu.vn

Tóm tắt: Lịch sử hình thành và phát triển tỉnh Lâm Đồng gắn với quá trình di cư của các cộng đồng, tộc người khác nhau - trong đó có các tộc người thiểu số phía Bắc. Bài viết này đề cập đến tình hình di cư tự do của các tộc người thiểu số miền núi phía Bắc đến Lâm Đồng từ năm 1976 đến năm 2015. Thông qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi lý giải nguyên nhân thúc đẩy luồng di dân tự do này gia nhập cộng đồng dân cư ở Lâm Đồng trong mỗi giai đoạn.

Từ khóa: dân tộc thiểu số, miền núi phía Bắc, di dân tự do, tỉnh Lâm Đồng

Free migration of ethnic minorities in the Northern mountains to Lam Dong province from 1976 to 2015

Abstract: The history of Lam Dong's formation and development is closely associated with the migration of different communities and ethnic groups, including the groups in the Northern mountains. This paper describes the free migration of ethnic minorities in the Northern mountains to Lam Dong province from 1976 to 2015. Based on the research's results, the authors shed light on motivations for their migration to Lam Dong in each period.

Key words: ethnic minorities, Northern mountains, free migration, Lam Dong province

Ngày nhận bài: 27/02/2020

Ngày duyệt đăng: 01/04/2021

1. Đặt vấn đề

Nằm ở phía Nam Tây Nguyên, với điều kiện tự nhiên thuận lợi nên Lâm Đồng là một địa bàn thu hút nhiều cư dân từ mọi miền đất nước đến định cư và lập nghiệp. Vì vậy, lịch sử hình thành các vùng dân cư và phát triển kinh tế ở Lâm Đồng là một quá trình di cư và tăng dân số cơ học. Đặc biệt, từ sau năm 1975, với chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã chủ trương khuyến khích người dân ở các tỉnh đồng bằng đông dân di cư vào Tây Nguyên (Đặng Nguyên Anh, 2006; Nguyễn Duy Thụy, 2016).

Cộng đồng người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc như: Nùng, Tày, Thái, Mường,... đã xuất hiện ở Lâm Đồng từ năm 1954 do chính sách di dân tập thể của chính quyền Việt Nam cộng hòa (Nguyễn Duy Thụy, 2016). Từ năm 1979, do nhu cầu của cuộc sống, làn sóng di dân tự do đến đây tăng mạnh; đặc biệt có sự xuất hiện của luồng di dân, như: Nùng, Tày, Thái, Dao, Hmông... (Trần Sĩ Thứ, 1992, tr. 62-63). Tuy có cùng nguồn gốc từ các địa phương ở vùng trung du, miền núi phía Bắc nhưng do chịu tác động của hoàn cảnh lịch sử, cộng đồng di dân sau năm 1975 có động lực di cư đa dạng hơn so với trước năm 1975.

Chính vì các làn sóng di dân ồ ạt đã làm cho dân số ở Lâm Đồng tăng nhanh, kinh tế - xã hội có những thay đổi, cơ cấu và thành phần dân tộc biến đổi nhanh. Việc di dân ồ ạt này đã có những tác động tích cực lẫn tiêu cực đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và con người ở Lâm Đồng. Hiện nay, quá trình di cư đến Lâm Đồng vẫn tiếp tục diễn ra. Vì vậy, nghiên

cứu quá trình di dân nhằm đưa ra những kiến nghị kịp thời và phù hợp để phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở Lâm Đồng nói riêng và Tây Nguyên nói chung là việc làm cần thiết.

Nghiên cứu này đã lựa chọn ngẫu nhiên để khảo sát và phỏng vấn sâu hộ gia đình ở những vùng tập trung di dân bao gồm: 100 hộ người Hmông ở xã Rô Men, huyện Đam Rông; 85 hộ người Nùng, Tày, Thái ở xã Tân Văn, huyện Lâm Hà; 27 hộ người Dao ở xã Phi Liêng, huyện Đam Rông. Bài viết này tập trung làm rõ thực trạng di dân, các nguồn di dân; nguyên nhân, mục đích của việc di dân; vai trò của Nhà nước và chính quyền địa phương thực hiện các chính sách nhằm ổn định tình hình dân cư và phát triển kinh tế, xã hội ở Lâm Đồng.

2. Di dân tự do của các tộc người thiểu số vào Lâm Đồng (1976 - 2015) và các chính sách ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Vài nét khái quát về địa bàn và vấn đề nghiên cứu

Cho đến trước ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975), Lâm Đồng vẫn còn là vùng rừng núi rộng, mật độ dân cư thưa; nền kinh tế và phân bố lao động mất cân đối nghiêm trọng (BCH Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, 2010, tr.14). Đến năm 1975, dân số của toàn tỉnh là 341.000 người, chiếm 0,61% dân số cả nước; mật độ dân cư là 34 người/km² (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1989, tr.27). Ở Lâm Đồng tồn tại 2 nhóm địa bàn cư trú có trình độ phát triển kinh tế - xã hội khác nhau, gồm: đô thị, huyện lỵ và miền núi, nông thôn. Vùng đô thị là những vùng có kinh tế - xã hội phát triển như: thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc và các huyện Di Linh, Đức Trọng, Đơn Dương,... cùng với vùng phụ cận đô thị và ven các đường giao thông chính. Ở những vùng này, cư dân chủ yếu là người Kinh di cư từ các địa phương thuộc đồng bằng Bắc Bộ và miền Trung đến trong nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau; ngành nghề chủ yếu là thương nghiệp nên đóng vai trò động lực chính cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở Lâm Đồng. Với vùng miền núi và nông thôn chiếm phần lớn diện tích tỉnh Lâm Đồng, đây là địa bàn cư trú của các tộc người tại chỗ. Nền kinh tế của các khu vực miền núi và nông thôn là tự cấp tự túc; canh tác theo phương thức hỏa canh, luân canh và phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên. Mặc dù đất đai rộng lớn nhưng mật độ dân cư thưa thớt và phân tán nên chưa khai thác hết tiềm năng trong sản xuất nông nghiệp.

Giai đoạn năm 1975 - 1985, Lâm Đồng thực hiện nhiệm vụ khôi phục sản xuất và ổn định đời sống nhân dân đồng thời tiến hành công cuộc cải tạo mối quan hệ sản xuất. Nền kinh tế được thực hiện theo cơ chế kế hoạch hóa, tập trung bao cấp; tăng diện tích đất trồng cây lương thực bằng các biện pháp khai hoang, phục hóa. Nông nghiệp được coi là ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển theo hướng chú trọng sản xuất lương thực - thực phẩm và đẩy mạnh việc trồng, phục hồi các cây công nghiệp dài ngày, thúc đẩy quá trình sản xuất hàng hóa ở vùng nông thôn. Vì vậy, lực lượng lao động di dân vào Lâm Đồng giai đoạn này đã góp phần bổ sung nguồn nhân lực cho chủ trương phát triển kinh tế của địa phương.

Từ sau năm 1986, những đổi mới trong chính sách kinh tế - xã hội ở Việt Nam đã tạo ra sự thay đổi căn bản, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tự do phát triển kinh tế, di chuyển qua lại giữa các vùng trên cả nước. Ngay từ cuối năm 1987, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã có chỉ thị về vấn đề di cư và phân bổ nguồn lao động giữa các địa phương. Tiếp theo những năm 1992, 1994, Thủ tướng Chính phủ cũng đã nhiều lần có ý kiến chỉ đạo các địa phương, các Bộ ngành liên quan xử lý, điều chỉnh hoạt động di dân phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các nước, của từng vùng lãnh thổ, của từng địa phương; ổn định đời sống dân cư và khắc phục những hạn chế còn tồn đọng (Thủ tướng Chính phủ, 1995). Ở Lâm Đồng, giai đoạn 1986 - 1996 cũng đã thu hút được nguồn lao động di cư dồi dào và có những đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, sự phát triển mạnh mẽ của

cây cà phê ở những năm 1990 đã tạo nên sức hút lượng lao động từ khắp các vùng trên cả nước di cư đến (UBND tỉnh Lâm Đồng, 1995).

Giai đoạn 1996 - 2000, cùng với chủ trương xây dựng và phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ở Lâm Đồng, kinh tế nông nghiệp và nông thôn phát triển theo hướng mở rộng vùng chuyên canh, khai thác thế mạnh của từng vùng sinh thái, bước đầu đã có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế (UBND tỉnh Lâm Đồng, 2001, tr. 180-181). Theo kế hoạch đó, Lâm Đồng đã nghiên cứu đánh giá về thực trạng di dân (gồm cả di dân theo kế hoạch và tự do), kế hoạch phân bổ nguồn lao động, sắp xếp và ổn định di dân tự do, xây dựng các vùng kinh tế mới và giải quyết các tồn tại, hạn chế của hoạt động di dân để hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh (UBND tỉnh Lâm Đồng, 1995; 1996a; 1996b; 1997a-f; 1998; 1999). Từ năm 2000, một trong những hướng phát triển kinh tế chính của địa phương là chú trọng ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào nông nghiệp từ quá trình sản xuất đến bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch (UBND tỉnh Lâm Đồng, 2004; 2005; BCH Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, 2010). Giai đoạn 2010 - 2015, nền kinh tế Lâm Đồng đã ổn định và tăng trưởng; những kết quả tích cực của sự phát triển kinh tế chính là động lực cho sự phát triển xã hội (UBND tỉnh Lâm Đồng, 2015). Đây cũng chính là một nhân tố thúc đẩy xã hội phát triển và trở thành sức hút đối với các luồng dân di dân tự do.

2.2. Thực trạng hoạt động di cư tự do của các tộc người thiểu số miền núi phía Bắc đến Lâm Đồng (giai đoạn 1976 - 2015)

Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), di dân tự do của các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc vào Tây Nguyên nói chung, Lâm Đồng nói riêng là một hiện tượng xã hội cần phải nghiên cứu. Dựa trên đặc điểm, quy mô di dân qua từng giai đoạn gắn với tình hình chính trị, kinh tế - xã hội cụ thể của đất nước và địa phương, bài viết khái lược quá trình di dân thành 3 giai đoạn: 1976 - 1985, 1986 - 1995, 1996 - 2015.

Những người dân tộc thiểu số di dân tự do đến Lâm Đồng gồm: Người Tày, Nùng, Mường, Thái, Dao, Hmông,... Địa bàn xuất cư là ở các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Sơn La, Lai Châu, Yên Bái, Lạng Sơn, Bắc Cạn, Lào Cai, Hòa Bình, Hà Giang,... Họ di cư vào Lâm Đồng thường đi theo gia đình, dòng họ; là những người thuộc gia đình đông con, thiếu đất sản xuất nên phải di cư để tìm cơ hội cải thiện cuộc sống; trước khi xuất cư, cuộc sống của họ thường thiếu đói triền miên (UBND tỉnh Lâm Đồng, 1995).

2.2.1. Giai đoạn 1976 - 1985

Sau năm 1976, Lâm Đồng là một trong những địa bàn chiến lược trong kế hoạch điều chỉnh lao động, dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Vì vậy, hàng năm tỉnh Lâm Đồng đã tiếp nhận một số lượng lớn người di cư (cả theo kế hoạch và tự do) tới xây dựng vùng kinh tế mới trên địa bàn toàn tỉnh (UBND tỉnh Lâm Đồng, 1997f). Giai đoạn 1976 - 1978, dân di cư đến Lâm Đồng theo kế hoạch của Nhà nước phân bổ ở 16 điểm là vùng kinh tế mới thuộc các huyện Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lộc, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên. Trong các vùng kinh tế trên đã được xây dựng 2 nông trường quốc doanh là Đạ Tẻh và Hà Lâm (Đạ Huoai), 13 hợp tác xã, 14 tập đoàn sản xuất (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, 1989, tr. 211).

Từ năm 1979 - 1985, với mục tiêu tiếp nhận và phân bổ lại lao động theo mục tiêu kinh tế có trọng điểm, dân nhập cư vào Lâm Đồng phân bổ chủ yếu ở các vùng chuyên canh. Theo số liệu thống kê, giai đoạn từ năm 1976 - 1985, có 1.100 hộ với 5.700 nhân khẩu di cư tự do sống xen ghép vào các thôn, xã trong địa bàn tỉnh (UBND tỉnh Lâm Đồng, 1997a). Trong số người di cư tự do đó có các nhóm dân tộc thiểu số như: Nùng, Tày, Thái,... số lượng khá khiêm tốn so với những người di dân theo kế hoạch của nhà nước; họ phân bổ chủ yếu ở địa bàn

huyện Đức Trọng, một số nơi ở Đơn Dương, Di Linh, Bảo Lộc (Mạc Đường, 1983, tr. 35–36), và các xã ven quốc lộ 20 và 21. Đây là một điều kiện hết sức thuận lợi cho nhóm cư dân nhập cư giai đoạn này. Vì rằng, những địa bàn trên là các vùng kinh tế - xã hội đang phát triển; là địa bàn sinh sống của các dân tộc thiểu số di cư trong giai đoạn 1954 - 1975. Các nhóm tộc người này đã có trình độ phát triển khá cao về sản xuất nông nghiệp; đặc biệt là làm rẫy, làm ruộng và một số nghề thủ công truyền thống khác. Bên cạnh đó, do có sự tiếp xúc thường xuyên với người Kinh trong suốt một thời gian dài nên họ quen với việc sản xuất, buôn bán hàng hóa - tiêu biểu như người Nùng.

Trong thời kỳ này, ở Lâm Đồng chú trọng tổ chức sản xuất theo hình thức quốc doanh và tập thể (mô hình hợp tác xã, tập đoàn sản xuất) mà chưa chú trọng nhiều đến kinh tế hộ gia đình, kinh tế tư nhân. Những người dân tộc thiểu số di cư đến đây chủ yếu sống xen kẽ ở các vùng chuyên canh được tổ chức thành hợp tác xã hoặc nông trường quốc doanh. Cuộc sống của những người di cư tự do lúc này khá khó khăn do thiếu việc làm, thiếu đất sản xuất và phải tự túc lương thực. Vì vậy, hoạt động sinh nhai là làm thuê, buôn bán, khai thác lâm sản hoặc di chuyển trong địa bàn nhỏ để tìm đất trồng lúa; tương trợ lẫn nhau thông qua mối quan hệ thân thích hoặc láng giềng ở quê cũ.

2.2.2. Giai đoạn 1986 – 1995

Giai đoạn này, ở Lâm Đồng đã kết thúc chính sách xây dựng vùng kinh tế mới và chấm dứt quá trình di dân có tổ chức. Tuy vậy, làn sóng di dân tự phát vẫn tiếp diễn, đặc biệt mạnh mẽ trong giai đoạn 1990 – 1995 (bảng 1). Thống kê cho thấy, từ tháng 1/1990 đến tháng 30/6/1995, có 9.744 hộ với 49.242 người là dân di cư người dân tộc thiểu số phía Bắc đến Lâm Đồng (chiếm 30,9% trên tổng số hộ di cư tự do). Trong đó, chiếm số lượng đông nhất là người Tày (32.215 người), sau đó đến người Nùng (7.834 người), người Dao (3.965 người), người Mường (565 người) và các dân tộc khác (4.663 người) (UBND tỉnh Lâm Đồng, 1997e).

Bảng 1. Di cư tự do đến tỉnh Lâm Đồng theo các dân tộc

TT	Dân tộc	Dân số		Quê quán
		Hộ	Khẩu	
1	Tày	6.361	32.215	Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên,...
2	Nùng	1.516	7.834	Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên,...
3	Dao	766	3.965	Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên
4	Mường	94	565	Sơn La, Yên Bái,...
5	Dân tộc thiểu số khác	1.007	4.663	Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên,...

(Nguồn: UBND tỉnh Lâm Đồng, 1997e)

Hoạt động di dân tự do đến Lâm Đồng giai đoạn 1990 – 1995 diễn ra với quy mô lớn, số lượng nhiều có thể được lý giải là: Một mặt, người nhập cư đến từ những vùng có điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho sản xuất, diện tích đất đai nhỏ hẹp,... buộc họ phải tìm kiếm vùng đất mới để tìm cơ hội có cuộc sống tốt hơn; Mặt khác, đây là giai đoạn kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng có bước phát triển vượt bậc; quỹ đất phong phú, điều kiện đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp có giá trị kinh tế cao; thành phần kinh tế hộ gia đình và cá thể được khuyến khích phát triển theo chính sách định canh định cư đã thu hút mạnh mẽ luồng di dân tự do.

Khi đến Lâm Đồng, các nhóm dân tộc thiểu số này cư trú ở các địa bàn chủ yếu như: Cát Tiên, Đạ Tẻh, Đạ Huoai, Bảo Lâm, Bảo Lộc, Di Linh, Đức Trọng, Lâm Hà, Lạc Dương (Bảng 2). Trong đó, người Tày và người Nùng là hai tộc người có số lượng dân di cư tự do đông nhất; họ sống tập trung ở địa bàn, như: xã Phước Cát I (Cát Tiên), thị trấn Đạ Tẻh, xã An Nhơn (Đạ Tẻh), xã Tân Thượng (Di Linh), xã Tân Văn (Lâm Hà). Đây là những vùng có tiềm năng sản xuất nông nghiệp lúa nước, điều kiện trên phù hợp với tập quán canh tác của người Tày và người Nùng.

Bảng 2. Dân số và địa bàn phân bố của các tộc người thiểu số miền núi phía Bắc di cư tự do vào tỉnh Lâm Đồng (1990 - 1995)

Các huyện	Tổng cộng		Dân tộc										
	Hộ	Khẩu	Tày		Nùng		Mường		Dao		Dân tộc khác		
			Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	
Tổng số	9744	49242	6361	32215	1516	7834	94	565	766	3.965	1.007	4.663	
Cát Tiên	2396	11759	2396	11759									
Đạ Tẻh	2334	11008	935	4287	824	4353			215	1131	360	1237	
Đạ Huoai	214	1.197					94	565			120	632	
Bảo Lâm	1024	5064	857	4263	167	801							
Bảo Lộc	791	5299	476	3512	38	197					277	1590	
Di Linh	649	3336	518	2695	131	641							
Đức Trọng	1214	6045	613	3026	351	1815					250	1204	
Lâm Hà	916	4429	365	1595					551	2834			
Lạc Dương	206	1105	201	1078	5	27							

(Nguồn: UBND tỉnh Lâm Đồng, 1997e)

Hoạt động kinh tế của dân di cư tự do đến Lâm Đồng là theo mô hình hộ gia đình. Việc lựa chọn địa bàn nhập cư của họ là dựa theo kinh nghiệm và tập quán quản lý sản xuất nông, lâm nghiệp truyền thống - là những địa bàn bằng phẳng có quỹ đất sản xuất lúa nước như huyện Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đức Trọng; hoặc địa bàn có rừng để lấy gỗ, lấy đất làm nương rẫy và có nhiều thú rừng để săn bắt; hay những địa bàn vùng sâu để tránh phát hiện, kiểm soát của chính quyền.

Tuy nhiên, do địa bàn rộng lớn khó kiểm soát, dân di cư tự do số lượng lớn, mức độ tăng đột biến đã ảnh hưởng tiêu cực đến quy hoạch tổng thể và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng. Bên cạnh đó, sự di cư tự do đã dẫn đến tình trạng tranh chấp mua bán đất đai trái phép, làm tăng nạn phá rừng, xâm chiếm tài nguyên rừng, gây khó khăn đến công tác quản lý, trật tự xã hội trên địa bàn như Chỉ thị 660/TTg đã đề cập (Thủ tướng Chính phủ, 1995).

2.2.3. Giai đoạn 1996 – 2015

Đến giai đoạn này, các luồng dân di cư tự do đến Lâm Đồng vẫn tiếp tục diễn ra. Bảng 3 cho thấy, trong năm 1996, số lượng người di cư tự do đến Lâm Đồng tăng đột biến; sang năm 1997, số lượng người di cư giảm đột ngột và giảm số lượng ở những năm tiếp theo (UBND tỉnh Lâm Đồng, 2005). Nguyên nhân chính là do chính sách quản lý chặt chẽ luồng di dân tự do đến khu vực Tây Nguyên trong giai đoạn này theo tinh thần Chỉ thị 660/TTg (Thủ tướng Chính phủ, 1995). Và Lâm Đồng đã thực hiện chặt chẽ các chính sách phân bổ lao động, sắp xếp ổn định dân di cư tự do (UBND tỉnh Lâm Đồng, 1997c).

Nhìn chung, mặc dù có giảm nhưng số lượng dân di cư tự do vào Lâm Đồng giai đoạn 1996 – 2004 vẫn chiếm số lượng đáng kể (Bảng 3). Hoạt động di dân vẫn diễn ra vì đây là thời kỳ kinh tế Việt Nam đã thoát ra khỏi khủng hoảng, chuẩn bị cho chặng đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Số lượng người di cư tự do đến Tây Nguyên nói chung và Lâm

Đồng nói riêng tăng là do vùng này có sự phát triển vượt bậc về kinh tế nông nghiệp, đặc biệt là xuất khẩu cà phê. Hiệu quả kinh tế cao của cây công nghiệp dài ngày đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào lập vườn trồng cây cà phê, chè,... đã thu hút lượng dân di cư tự do (UBND tỉnh Lâm Đồng, 2005).

Bảng 3. Số lượng dân di cư tự do đến Lâm Đồng giai đoạn 1996 - 2004

Năm	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004
Hộ	9.459	2.951	1.100	2.796	2.298	1.330	1.622	1.202	931
Khẩu	40.057	12.170	5.500	13.980	8.594	5.207	7.509	4.808	3.971

(Nguồn: UBND tỉnh Lâm Đồng, 2005)

Đến giai đoạn 2005 - 2015, các tộc người thiểu số phía Bắc di cư tự do đến Lâm Đồng vẫn là người Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao, Hmông (Bảng 4). Nơi xuất cư của các tộc người này là từ các tỉnh Hòa Bình, Lai Châu, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn. Tuy nhiên, đến giai đoạn này địa bàn nhập cư là khác so với các giai đoạn trước; chủ yếu là ở những địa bàn vùng sâu, vùng xa thuộc các huyện như Đạ Tẻh, Đam Rông, Lâm Hà. Đáng chú ý, trong dòng di dân tự do giai đoạn này là sự gia tăng của luồng dân nhập cư người Hmông đến huyện Đam Rông⁽¹⁾ (Bảng 4).

Bảng 4. Số lượng và thành phần dân tộc di cư tự do đến tỉnh Lâm Đồng từ năm 2005 đến 2015 (Đơn vị tính: người)

TT	Thời gian đến	Phân theo thành phần dân tộc					
		Tày	Dao	Nùng	Thái	Mường	Hmông
1	2005	202	0	88	0	0	341
2	2006	29	0	16	0	0	307
3	2007	374	0	92	10	165	240
4	2008	361	40	44	0	47	91
5	2009	139	0	16	0	0	0
6	2010	38	22	132	24	24	53
7	2011	59	48	64	0	6	0
8	2012	8	0	0	0	0	144
9	2013	25	0	24	0	35	10
10	2014	0	18	0	0	0	38
11	2015	0	0	0	0	0	48
Tổng cộng		1.235	128	476	7/ 34	277	1.272

(Nguồn: Công an tỉnh Lâm Đồng, 2016)

Nghiên cứu điền dã ghi nhận, người Hmông đã di cư đến địa bàn Đam Đông từ năm 2001 – 2002, sinh sống trong rừng sâu hoặc những khu vực giáp ranh, có địa hình hiểm trở, đi lại rất khó khăn như Tây Sơn, tiểu khu 179, 181, 176, 178 thuộc – xã Liêng Srônh và xã Phi Liêng và tập trung ở những khu vực được quy hoạch để ổn định dân di cư tự do như thôn 4, 5 thuộc xã Rô Men, tiểu khu 212 thuộc xã Phi Liêng (Nguyễn Thị Hà Giang, 2018). Ban đầu, có khoảng 100 hộ Hmông sinh sống tập trung tại khu vực suối Tây Sơn, điểm cuối cùng của xã Phi Liêng và xã Liêng Srônh – vùng giáp ranh với Đắk Lắk và Đắk Nông. Ngày 2/3/2003, sau khi được chính quyền địa phương (lúc bấy giờ là huyện Lâm Hà) vận động, đã có khoảng 50 hộ rời khu vực xã Phi Liêng về định cư tại thôn Bốn và thôn Năm của xã Rô Men. Thời gian từ năm

2000 - 2006 là giai đoạn người Hmông di dân đến Đam Rông nhiều nhất và giảm dần trong giai đoạn 2007 – 2016 (UBND huyện Đam Rông, 2017). Theo số liệu thống kê của Công an tỉnh Lâm Đồng, tính đến ngày 16/9/2019, dân tộc Hmông ở Lâm Đồng có 885 hộ với 5.213 người, phân bố ở các địa bàn khác nhau trong tỉnh, bao gồm: Đam Rông (4.367 người), Bảo Lâm (613 người), Cát Tiên (218 người), Lâm Hà (11 người), Bảo Lộc (3 người) và Lạc Dương (01 người) (Công an tỉnh Lâm Đồng, 2019). Hiện tượng di cư ồ ạt đến địa bàn Đam Rông xuất hiện ở giai đoạn này vì đây là huyện mới thành lập, có mật độ dân số thưa, đất đai rộng, khí hậu tương đối thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp.

3. Những nguyên nhân tác động đến quá trình di cư tự do của các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc đến tỉnh Lâm Đồng

Thông qua kết quả khảo sát các nguồn tư liệu có sẵn và kết quả thực hiện điền dã cho thấy, nguyên nhân di cư của người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc đến Lâm Đồng từ năm 1975 – 2015 có thể chia thành hai nhóm: (1) nhóm nguyên nhân liên quan đến điều kiện sống (bao gồm thu nhập, việc làm, môi trường, điều kiện tự nhiên); và (2) nhóm nguyên nhân liên quan đến tập quán cư trú, hôn nhân, chính sách, tôn giáo,...

Theo nhận định của tác giả, điều kiện sống là nhóm nguyên nhân chính tác động đến vấn đề di cư của các tộc người thiểu số miền núi phía Bắc vào Tây Nguyên nói chung. Ở các tỉnh miền núi phía Bắc, là nơi tập trung sinh sống của các tộc người thiểu số, tuy đất rừng còn nhiều nhưng ruộng, đất trồng lúa, trồng lương thực thực phẩm ít và đang dần bị thu hẹp, chất lượng đất càng ngày càng xấu đi. Ngoài ra, các tỉnh ở miền núi phía Bắc như Tuyên Quang, Yên Bái, Sơn La, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Hòa Bình có địa hình hiểm trở. Đây là vùng địa hình chủ yếu là các dãy núi trung bình và núi cao, là nơi có địa hình cao nhất, bị chia cắt nhất và hiểm trở nhất Việt Nam. Với địa hình chủ yếu là đồi núi, đất dốc, ruộng và đất đai ở các tỉnh miền núi phía Bắc ít màu mỡ do không được phù sa của các sông lớn bồi đắp, diện tích đất trồng đồi trọc chiếm tỷ lệ lớn. Đặc biệt trong mùa khô, nạn thiếu nước sinh hoạt và nước sản xuất trở nên trầm trọng, có vùng người dân phải đi xa hàng chục km để lấy nước ăn như khu vực Đồng Văn tỉnh Hà Giang, Bắc Hà tỉnh Lào Cai, Lục Khu tỉnh Cao Bằng. Nguyễn Duy Thụy (2016, tr.131) cũng nhận định, điều kiện tự nhiên khó khăn ở miền núi phía Bắc như: địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, thiếu nước sinh hoạt và nước sản xuất,... là những nhân tố thúc đẩy người di cư đi tìm vùng đất mới.

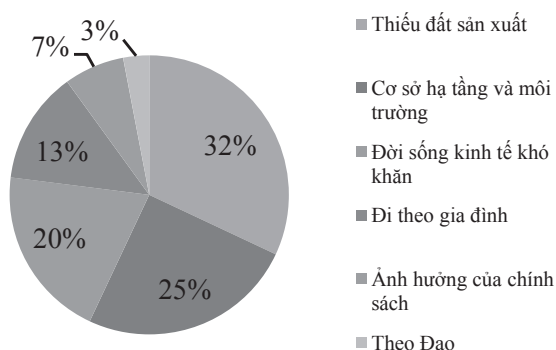
Trong khi đó, địa hình Lâm Đồng không cao và dốc như một số tỉnh vùng núi phía Bắc mà thoải thoải. Cùng với đó, đất đai của Lâm Đồng chủ yếu là nhóm đất vàng đỏ thích hợp với nhiều loại cây công nghiệp như cà phê, chè. Đây là loại cây trồng thương phẩm chủ lực của nông nghiệp Lâm Đồng có giá trị cao, mang lại thu nhập đáng kể cho người canh tác. Hơn nữa, vào những năm đầu thập niên 90, do giá cả của các loại sản phẩm cây công nghiệp dài ngày tăng cao, đặc biệt là cây cà phê nên thu hút lực lượng lớn dân di cư tự do đến đây, trong đó, chủ yếu là người dân tộc thiểu số từ miền núi phía Bắc.

Nhìn chung, tình trạng thiếu đất sản xuất lương thực tại chỗ của người dân tộc thiểu số cũng diễn ra khá gay gắt, dẫn đến không sản xuất đủ lương thực phục vụ cho cuộc sống thường nhật (Nguyễn Thị Hà Giang, 2018). Chính vì thiếu đất sản xuất lương thực ở nhiều địa phương đã dẫn đến tình trạng di cư đến các vùng đất mới có điều kiện tốt hơn. Với những cư dân nông nghiệp như người Hmông, Dao, Tày, Nùng,... thì đất canh tác là tư liệu sản xuất mang tính quyết định cho đời sống; đất đai trở thành nhu cầu bức thiết để sản xuất lương thực, thiếu đất canh tác (do điều kiện tự nhiên và địa hình không thuận lợi là một khó khăn mang tính lâu dài) khiến người dân buộc phải ra đi tìm nơi có nhiều đất hơn. Hơn nữa, cơn sốt

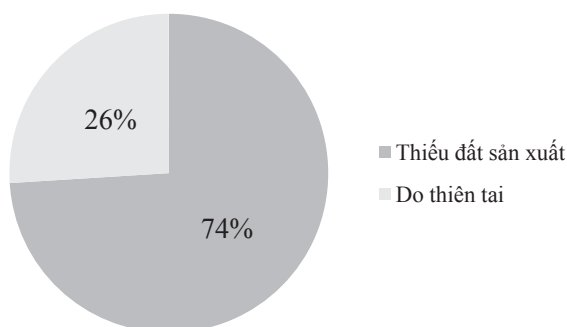
của cây công nghiệp cũng là nhân tố thu hút di dân đến Lâm Đồng. Do đó, khi tới Lâm Đồng, ngoài hoạt động kinh tế trồng cây lương thực, người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc còn trồng cây công nghiệp có hiệu quả kinh tế cao.

Để minh chứng cho nhận định trên, nghiên cứu điền dã của tác giả trên địa bàn huyện Đam Rông cho thấy, có tới 32% hộ người Hmông ở xã Rô Men trước khi di cư tới đây là không có ruộng hoặc ít ruộng, đất canh tác (Biểu đồ 1); 74% hộ người Dao (tập trung chủ yếu ở xã Phi Liêng) cũng cho rằng nguyên nhân di cư chủ yếu là do thiếu đất sản xuất (Biểu đồ 2) (Nguyễn Thị Hà Giang, 2020).

Biểu đồ 1: Nguyên nhân di cư của người Hmông



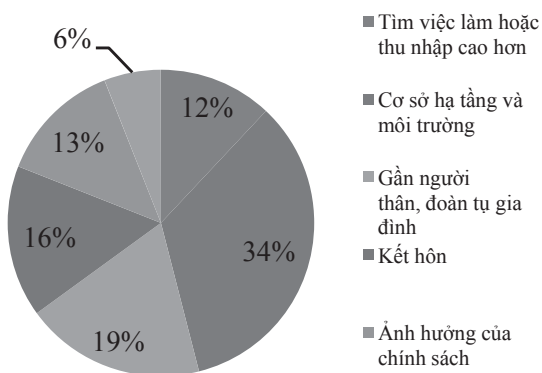
Biểu đồ 2: Nguyên nhân di cư của người Dao



(Nguồn: Nguyễn Thị Hà Giang, 2020)

Ngoài thiếu đất sản xuất, việc không đáp ứng đủ lương thực, thiếu việc làm, thiếu vốn làm ăn,... đã khiến đời sống kinh tế nhiều hộ người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc gặp khó khăn. Khi được hỏi, có 20% người Hmông di cư đến Đam Rông (Biểu đồ 1) và 12% người Nùng, Tày, Thái (Biểu đồ 3) ở xã Tân Văn, huyện Lâm Hà trả lời di cư là để tìm cơ hội thuận lợi hơn về việc làm và thu nhập nhằm cải thiện kinh tế của gia đình (Nguyễn Thị Hà Giang, 2020)

Biểu đồ 3: Nguyên nhân di cư của người Nùng, Tày, Thái



(Nguồn: Nguyễn Thị Hà Giang, 2020)

Cơ sở hạ tầng đáp ứng cho nhu cầu cuộc sống cũng là nguyên nhân trong nhóm di cư vì điều kiện sống. Trong nghiên cứu về di cư tự do đến Tây Nguyên, Nguyễn Duy Thụy (2016, tr.131) cũng cho rằng điều kiện dịch vụ xã hội kém và không đồng bộ ở các tỉnh miền núi phía

Bắc cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc di cư tự do của người dân tộc thiểu số. Chất lượng những dịch vụ xã hội thiết yếu cho cuộc sống như: cơ sở khám chữa bệnh, trường học, điện nước sinh hoạt, đường giao thông, trao đổi hàng hóa,... chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân.

Ở Lâm Đồng, các dịch vụ xã hội có phần thuận lợi hơn so với nơi xuất cư ở phía Bắc. Có tới 25% người Hmông ở xã Rô Men, huyện Đam Rông (trong tổng số 100 hộ được hỏi) và 34% người Nùng, Tày, Thái ở xã Tân Văn, huyện Lâm Hà di cư tới đây là do điều kiện cơ sở hạ tầng (Nguyễn Thị Hà Giang, 2020). Các dịch vụ xã hội ở Lâm Đồng cũng có phần thuận lợi hơn so với nơi xuất cư ở phía Bắc. Chẳng hạn, có 6% người Nùng, Tày, Thái đến xã Tân Văn, huyện Lâm Hà cho rằng, chuyển cư đến đây là để thuận lợi hơn trong việc học tập của con em. Ngoài ra, người Hmông, Tày, Nùng, Thái,... di cư đến Lâm Đồng còn do môi trường tự nhiên. Ví như, có 26% người Dao di cư đến vì điều kiện tự nhiên ở quê cũ không thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt (Biểu đồ 2) đã thúc đẩy họ ra đi tìm vùng đất mới (Nguyễn Thị Hà Giang, 2020). Nhóm nguyên nhân thứ hai như: tập quán cư trú, hôn nhân, chính sách, tôn giáo,... cũng có tác động đáng kể đến quyết định xuất cư của các tộc người thiểu số phía Bắc vào Tây Nguyên. Trong đó, di cư theo người thân là một trong những nguyên nhân phổ biến của người Tày, Nùng, Thái, Hmông. Như đã trình bày ở trên, từ năm 1954 đã có bộ phận người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc di cư vào Lâm Đồng và hình thành một số vùng cư trú tập trung như ở Đức Trọng. Những người này đã trở thành nhân tố thúc đẩy các đợt di dân tự do rải rác trong nhiều năm sau đó. Sau khi chuẩn bị cơ sở vật chất, đất đai để sản xuất, ổn định cuộc sống, họ trở về đưa toàn bộ gia đình vào và sau đó là kéo theo anh em, họ hàng. Theo khảo sát, có tới 13% dân di cư người Hmông vào xã Rô Men, huyện Đam Rông là để được sống gần gia đình, làng xóm, tạo thành một cộng đồng thân thích; có 19% người Nùng, Tày, Thái di cư vào xã Tân Văn, Lâm Hà là để được gần người thân và đoàn tụ gia đình; 16% người Nùng, Tày, Thái di cư đến xã Tân Văn là do kết hôn (Nguyễn Thị Hà Giang, 2020). Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng di cư cả làng ở các tộc người thiểu số phía Bắc vào Lâm Đồng, góp phần hình thành mạng lưới xã hội vững chắc cho cộng đồng người di cư.

Một nguyên nhân khác tác động đến quyết định di cư của người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc đến Lâm Đồng có liên quan đến tôn giáo. Tuy nhiên, nguyên nhân này chỉ xảy ra với những người theo đạo Tin Lành, đặc biệt là nhóm Hmông di cư tự do đến Đam Rông. Khi đến địa phương này, người Hmông tập trung sinh sống tại xã Rô Men và 100% (207 hộ) đều theo đạo Tin Lành. Theo số liệu điều tra, tuy không nhiều nhưng cũng có khoảng 3% người Hmông ở xã Rô Men, Đam Rông mong muốn di cư vào Tây Nguyên để dễ dàng hơn trong việc thực hành tôn giáo (Nguyễn Thị Hà Giang, 2020).

4. Kết luận

Trong lịch sử phát triển, Lâm Đồng là nơi thu hút mạnh mẽ các luồng dân di cư từ các nơi trong cả nước. Đặc biệt, từ sau năm 1975, với mục tiêu bố trí lại dân cư trong cả nước, ở Lâm Đồng đã chứng kiến những đợt di cư với số lượng lớn bao gồm cả di cư có kế hoạch và di cư tự phát. Sau khi chính sách xây dựng vùng kinh tế mới ở Lâm Đồng kết thúc (1987), di dân tự do trở thành dòng di dân chủ đạo trong giai đoạn sau. Trong dòng người di cư tự do đến Lâm Đồng, chiếm số lượng đáng kể là di dân của các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, bao gồm các dân tộc chính là Tày, Nùng, Mường, Hmông, Dao,...

Nhìn chung, di dân tự do đã bổ sung đáng kể nguồn nhân lực, giải quyết nguồn lao động thiếu hụt trong những lúc thời vụ như thu hoạch, sơ chế cà phê, rau màu, hoa,...; thúc đẩy việc khai thác tài nguyên đất (đặc biệt tiềm năng đất đai ở những địa bàn vùng sâu, vùng

xa khó khai thác); làm đa dạng cơ cấu lao động;... Nói cách khác, di dân tự do đã đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, việc di dân tự do cũng đã phát sinh nhiều vấn đề tiêu cực cần giải quyết. Để ổn định dân cư hướng đến phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tỉnh Lâm Đồng cần có những chính sách phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về vấn đề di dân nhằm phát huy triệt để mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của di dân tự do.

Chú thích:

(1) Đây là một huyện mới được thành lập theo Nghị định số 189/2004/NĐ-CP ngày 17/11/2004 của Chính phủ trên cơ sở tách 05 xã phía Bắc của huyện Lâm Hà và 03 xã của huyện Lạc Dương. Huyện có ranh giới giáp với huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk và huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông và có quốc lộ 27 chạy qua kết nối với các tỉnh Tây Nguyên.

Tài liệu tham khảo

BCH Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (2010). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (1975 – 2005)*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.

Công an tỉnh Lâm Đồng (2016). *Báo cáo tình hình di cư tự do trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng từ năm 2005 đến nay*.

Đặng Nguyên Anh (2006). *Chính sách di dân trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh miền núi*. Nxb Thế giới. Hà Nội.

Mạc Đường (chủ biên) (1983). *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*. Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Lâm Đồng.

Nguyễn Thị Hà Giang (2018). Tư liệu điển dã: *Quá trình di dân tự do của các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc đến Lâm Đồng từ năm 1976 đến năm 2015*. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Đà Lạt.

Nguyễn Thị Hà Giang (2020). Tư liệu điển dã: *Quá trình di dân tự do của các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc đến Lâm Đồng từ năm 1976 đến năm 2015*. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Đà Lạt.

Nguyễn Duy Thụy (2016). *Di cư của người dân tộc thiểu số đến Tây Nguyên từ năm 1975 đến năm 2015*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng (1997). *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 1997 - Phương hướng nhiệm vụ năm 1998 của Chi cục Di dân phát triển vùng kinh tế mới tỉnh Lâm Đồng*. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng.

Thủ tướng Chính phủ (1995). *Về việc giải quyết tình trạng di cư tự do đến Tây Nguyên và một số tỉnh khác*. Truy xuất từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Chi-thi-660-TTg-giai-quyet-tinh-trang-di-cu-tu-do-den-Tay-Nguyen-tinh-khac-41361.aspx>

Trần Sỹ Thứ (1992). *Một số vấn đề về dân số Lâm Đồng*. Cục Thống kê Lâm Đồng.

Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1989). *Những kết quả nghiên cứu kinh tế - xã hội Lâm Đồng*. Lâm Đồng.

UBND huyện Bảo Lâm (2004). *Báo cáo về tình hình Dân di dân tự do và lập Kế hoạch xin bổ sung vốn đầu tư cơ sở hạ tầng để sắp xếp ổn định dân di dân tự do huyện Bảo Lâm*.

UBND huyện Đam Rông (2017). *Báo cáo tình hình dân di dân tự do trên địa bàn huyện Đam Rông*.

UBND huyện Đức Trọng (1976). *Phương án di dân nhằm phát triển sản xuất ổn định đời sống nhân dân*.

UBND huyện Lạc Dương (2004). *Báo cáo về dân di dân tự do*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (1995). *Báo cáo tình hình dân chuyển cư tự do đến Lâm Đồng từ năm 1990 đến 30/6/1995*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (1996). *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch di dân phát triển vùng KTM năm 1996 và nhiệm vụ kế hoạch di dân ổn định kinh tế xã hội năm 1997*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (1996). *Báo cáo thực hiện công tác di dân phát triển vùng KTM năm 1996 – Phương hướng nhiệm vụ năm 1997*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (1997). *Báo cáo đánh giá tình hình phân bố lao động dân cư xây dựng vùng KTM 1975 – 1996 và sắp xếp ổn định dân di dân tự do tỉnh Lâm Đồng*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (1997). *Báo cáo Kết quả thực hiện công tác di dân phát triển vùng KTM tỉnh Lâm Đồng 9 tháng đầu năm 1997 – Phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (1997). *Báo cáo tình hình dân di dân tự do các tỉnh đến Lâm Đồng và triển khai chỉ thị 660/Ttg ổn định di dân tự do*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (1997). *Báo cáo tình hình phân bố lao động dân cư xây dựng vùng KTM và sắp xếp ổn định di dân tự do tỉnh Lâm Đồng*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (1997). *Báo cáo tình hình dân chuyển cư tự do đến Lâm Đồng và những biện pháp khắc phục ổn định dân cư*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (1997). *Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện công tác phân bố lao động dân cư kinh tế mới tỉnh Lâm Đồng 1976 – 1996 và định hướng phân bố lao động 1997 – 2000*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (1998). *Báo cáo sơ kết thực hiện chỉ thị 660/Ttg về giải quyết tình trạng dân di cư tự do (1996 – 1998) của tỉnh Lâm Đồng*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (1999). *Báo cáo kế hoạch di dân phát triển vùng KTM tỉnh Lâm Đồng năm 1999*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (2001). *Địa chí Lâm Đồng*. Nxb Văn hóa dân tộc. Hà Nội.

UBND tỉnh Lâm Đồng (2002). *Báo cáo Về việc giải quyết tái định canh định cư cho đồng bào dân tộc Mông từ các tỉnh di dân tự do vào Lâm Hà, Lâm Đồng*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (2004). *Kế hoạch định canh – định năm 2004*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (2004). *Tờ trình về việc xin bổ sung vốn năm 2004 đầu tư tái định canh định cư, ổn định đời sống dân di dân tự do đến tỉnh Lâm Đồng*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (2005). *Báo cáo tổng kết thực hiện chương trình di dân xây dựng vùng KTM 1991 – 2005 tỉnh Lâm Đồng*.

UBND tỉnh Lâm Đồng (2015). *Báo cáo kết quả đề tài NCKH “Tác động của di dân tự phát đến kinh tế - xã hội các cộng đồng bản địa tỉnh Lâm Đồng”*.